PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

# ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1er VÀ 15

*Báo quán ở chùa Quán-Sứ N 73 Richaud, Hanoi*

Chủ nhiệm : Nguyễn-năng Quốc
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo
Quản-lý : Cung đình Bính

Chánh chủ-bút Phan-chung-Thứ
Sư cụ chùa Bằng-Sở
Phó chủ bút : Dương-văn-Hiển
Sư cụ chùa Tổ-Cát

GIA BAO : *Cả năm 1$50. Nửa năm 0$80. Mỗi số 0$07.*

# HÁN-VIỆT TỰ-ĐIỂN

**Quý danh các vị đã đặt tiền:**

M. Đặng-ngọc-sách Md N. 036292-031
Nguyễn-văn-Thiếp — 035668-009
Lê-quang-Tập — 036302-038
Ngô-huy-Đương — 03576 -167
Nguyễn văn-Thành — 034255-102
Nguyễn-lập-Kỷ — 03580 -106
Cao-văn-Sâm — 035271-128
Nguyuễn-Nữu Hanoi
Cụ Đại-Hải chùa Dâu
Ông ĐốcOánh Hanoi
Thầy Diệu-Hương Hanoi
M. Phan Công Trung-kỳ
Phạm-văn Nam Bắc-ninh

*Đóng kỹ là đóng bìa Carton*
*Đóng thường là đóng bìa mỏng*

## CUỘC XỔ SỐ ĐÔNG-DƯƠNG

Tối mồng 4 Septembre tại Hanoi đã mở sổ Đông pháp kỳ phát-hành thứ nhì năm 1941, kết quả như sau này:

Trúng 10$ 9000 vé có 2 số cuối cùng là ; 29 17, 57
Trúng 15$1200 vé có 3 số cuối cùng là ; 786, 509, 827
Trúng 20p300 vé có ba số cuối cùng là ; 470
Trúng 50p150 vé có 4 số cuối cùng là ;
2.471, 6 836, 5.640, 3.063, 0.457
Trúng 100p 30 vé có 4 số cuối cùng là : 4.904
Trúng 50 p 10 vé sau này :
015.029, 146.413 005 646, 045.679, 170.769
142.776, 115 957, 227.782, 266.832, 241.676
Trúng 1000p 5 vé sau này .
188.595, 134.775, 245 430, 042 225, 218.077
Số trúng 10.000. vé ;
228.803

# BỐ-THÍ CHÍNH-GIÁC

*Bố-thí là một phép thắng-diệu để tu thành Phật, tức là bậc đại-giác-ngộ, đại Thí-chủ, và là một phép làm cho hết thảy thế-gian được an-lạc giải-thoát. Thế-gian chỉ vì « tà giác » cho nên vẫn có làm việc bố-thí mà không được giải-thoát, vẫn cứ phải chịu trong vòng luân-hồi sinh-tử. Duy chỉ làm theo phép bố thí như Phật dậy, thì mới được giải-thoát, cho nên gọi là phép « Bố thí chính-giác ».*

*Nghĩa là bố-thí mà cầu lấy danh tiếng là người đạo đức hào-phóng, để khỏi mang tiếng là người bỏn sẻn, hay là để chuộc tội cầu phúc báo giàu sang ở tương-lai: kể cũng là phúc đức quý hóa hiếm có, không phải là dễ, nhưng còn cầu sự-tướng để « hưởng thụ », thì sẽ biến hiện được quả phúc hữu-vi, hữu-hạn, ở trong vòng sinh tử; bố-thí chính-giác là tự giác ngộ muôn pháp vốn là yên lặng, trong sáng, rỗng suốt; kẻ thí, vật thí, người thụ vốn không có cái tướng hưởng-thụ giả dối chướng ngại, cho nên không cầu hưởng-thụ chi cả; thế mới được phúc báo vô-vi thanh-tịnh, mới được giải-thoát trần-lao sinh-tử. Tức là bố-thí để thành-tựu công-năng đức tính diệu-dụng, không chướng-ngại, không cùng tận; thế là « phúc đầy đủ ». Lại còn phải tự giác cho cùng nguyên triệt-để, viên-mãn cùng tột, và đem bố-thí giác ngộ cho hết thảy chúng sinh đều nhờ cái pháp-duyên ấy, mà cũng được giác ngộ, thế là « tuệ đầy đủ ». Cả hai phần có đầy đủ, thì mới thành tựu bậc « đại giác ngộ, đại Thí-chủ; mới có « kho vô-tận tài-bảo, pháp-bảo », mà bố thí vô cùng vô tận được.*

*Bố thí chia ra làm hai, một là « tài thí », tức là đem của sở hữu của mình mà thí cả cho kẻ cần cầu; hai là « pháp thí », nghĩa là đem chính-pháp mà khai ngộ cho người được tỉnh ngộ giải thoát.*

A) Nói đến tài thí thì nhiều người vội tưởng rằng phải giàu sang mới bố-thí được, chớ nghèo túng thì bố-thí sao được ; hay là có tu được như Phật rồi mới có thể thí sả được. Không phải thế, nghĩa là tùy sức tin của mình, mà đem những tài-bảo sở hữu của mình bố thí cho chúng sinh sở cầu ; thì hết thảy chúng sinh, ai ai cũng có tài vật cả. Tuy rằng nghèo cùng như người đi ăn xin, cũng vẫn có của để bố-thí, chỉ vì mê không biết dùng ; hay là có nhớ ra, nhưng cái lòng tin còn non nớt, không chịu làm hay chưa làm nổi, chứ không phải là không có của để bố-thí.

Nói về tài-bảo ở ngoài, thì tất cả hư-không thế-giới, mặt giời, mặt giăng, sơn hà đại địa, đồ vật, thức ăn thức mặc, cho chí quyền-lợi danh-vọng ; thì người phúc to có nhiều, người phúc nhỏ có ít, chứ không ai là không có. Nếu ai cũng có, thì ai cũng có thể làm bố-thí được như người yêu cầu một khoảng hư không, thì ta cũng hoan-hỷ bố-thí, mà ta thì chịu bi lắc chật hẹp một chút, thế cũng là bố thí, nếu ta không làm thì cũng thiệt; hay là vì thế mà cáu gắt kẻ cầu cạnh, thì lại mắc cái tội ngu si biển-lận ; cũng có khi tranh cãi nhau quá mà thành tai vạ to. Nếu có người yêu cầu chút gió mát, ta cũng có thể nhường được, thế cũng là công-đức bố-thí; cho chí sơn hà thế-giới tuy ta không phải là đế-vương địa chủ, nhưng ta cũng có công quyền, như là đi đường thì ta nhường đường, khiến cho người được tiện lợi, có khi khỏi sảy ra tai nạn ; cả đến chỗ ở chỗ nằm, chỗ ngồi, ở tầu, ở xe, chẳng những ta không tự tranh bờ lấn cõi, mà ta cũng nhường bớt cho người được khỏi phiền não ; có nhiều khi chỉ vì thế mà cũng gây thành cuộc sung đột làm mất sự hòa-bình an-lạc của công chúng. Thân thể, quần áo, nhà cửa của mình đừng để cho hôi hám khiến cho người ngoài khó chịu. Lại nếu có người cần dùng đến đồ dùng thức ăn, thức mặc thì tùy sức tin, tùy sự cần dùng của mình, có thể thí sả được đến đâu thì bố thí đến đấy ; đáng lẽ ta được dùng trước, thì ta lui lại dùng sau; đáng lẽ ta cần dùng

mười phần, ta có thể bớt đi một vài phần mà bố thí cũng được ; đối với con sâu con vật nó kêu ca dẫy rụa ở lồng ở rổ ở thớt, là nó yêu cầu ta cứu thoát cho nó đấy ; đối với kẻ phải tội, phải nợ ta, ta cũng nên tùy tình lượng thứ ; đối với kẻ làm mướn, kẻ hầu hạ ta cũng nên giảm bớt sự khó nhọc cho nó, không nên cậy quyền, cậy tiền mà hành hạ quá. Nếu có kẻ bất nhân lấn át quyền-vị của ta ta cũng tùy nghi châm chước cho được hòa bình công chúng ; nếu ta không chịu làm, giả sử gặp kẻ quá mạnh, sao bấy giờ vẫn chịu được : lúc bấy giờ thành ra mất cả công đức huệ thí và lại bị đau khổ vì tham lam tiếc rẻ. Người không học Phật, thì cho sự tranh thắng là anh hùng, mà người học Phật thì cho từ-bi thí-xả, không cạnh tranh, lợi người lợi vật là lợi cho mình thế mới là đại-hùng, đại lực. Là vì người anh hùng giẹp được giặc bốn phương mà vẫn phải chịu cái giặc « Tà giác » ở thân nó lôi kéo vào cõi bể khổ là « muốn mà không được » không có một chút mảnh lực gì « tự chủ » được nó, rút cục vẫn là người « nhu nhược thất bại ». Còn người tu cái đạo «thí xả vô tranh » thì hàng phục được cái giặc « Tà giác », cho nên mới thật là « đại hùng ».

Đối với vấn đề này, những người thấy gần thường cho đạo-lý của Phật làm cho suy diệt. Nhưng không biết cái nguyên nhân suy ấy chính là không chịu thực hành đạo Phật từ lúc bình nhật đã lâu đời ; đạo Phật dậy thế-gian cốt yếu là phải « giác ngộ », tức là ai cũng phải tự lập tự-cường, từ bi, bác ái, biến hóa cảnh giả dối, thành cõi đời chân thực, truyền mê thành giác, truyền khổ thành vui. Như thế thì hai chữ « Giác ngộ» không phải là nguyên nhân suy diệt. Nhưng vì trí tuệ không đồng đẳng cho nên vẫn tùy trình độ, mà phương tiện lập ra phép tu về nhân-gian, như trong kinh «Thiện sinh » đã nói, thì ích lợi cho nhân gian biết chừng nào: tiếc thay nghiệp chúng sinh nặng nề, ngồi trên đống vàng ngọc mà không được hưởng ! Nếu có người cầu cạnh đến danh vọng của ta, thì ta cũng vui lòng thí xả ; Nếu

ta còn tiếc rẻ tranh cãi, tức là ta đã thua cái giặc Tà giác rồi.

Nói về của cải trong thân, như đầu mắt chân tay, nếu có kẻ yêu cầu, đù ta chưa thì sả được, tạ cũng nên tự thẹn tự hổ rằng chưa tự chủ được hiện-nghiệp và cũng nên phát nguyện phải làm. Nếu ta không tập hoàn hỷ kiên-nhẫn thí-sả cho quen, chẳng may bị ốm đau tai nạn sẩy ra mất chân mất tay; cũng vẫn phải chịu mà lại không được công đức huệ thí, lại còn đau khổ vì tiếc rẻ, vì thiệt thòi: nếu không thì cũng vẫn bị cái phép «biến hóa vô thường» nó tiêu diệt dần dần đến mất hết; Nếu ta muốn tiến lên bước đường trên mà lại không bỏ bước đường dưới, thì tiến lên sao được: không có cái lý nào lại làm Phật rồi mới tập bỏ cái thói chúng sinh.

B) Nói về pháp-thí là đem lời hay lẽ phải giảng dụ chỉ bảo cho người chưa tỉnh-ngộ được tỉnh ngộ, được sinh thiện, diệt ác, được vui vẻ; phép này chắc có người bảo rằng: có tự giác mới giác cho người được, mình hiện còn mê hoặc chưa chứng ngộ, thì lấy gì mà pháp-thí cho người được? — Xin thưa rằng pháp có nhiều đẳng cấp, Pháp vô thượng thì chỉ có Phật mới có mà bá thí; còn các bậc thượng thánh cũng có thể bá thí cho các hạ thánh được; các bậc hạ thánh cũng có thể pháp thí cho người phàm phu được; người học trò lớp trên có thể pháp-thí cho người học trò lớp dưới được; kẻ biết câu nọ, người biết câu kia lại giác ngộ lẫn cho nhau, cũng gọi là pháp thí cả Chúng sinh chỉ khổ về nỗi ngu si nặng nhất, cho nên ai ai cũng phải pháp thí; tùy trình độ, tùy phương tiện, ai cũng có thể làm việc pháp thí được cả

Như là dùng âm-thanh văn-tự để giảng thuyết kinh pháp, đàm luận đạo lý, viết chép truyền bá kinh pháp khắp mọi nơi, khiến cho nhân dân thấm nhuần đạo-lý, tỉnh mê giác mộng; thấy người lầm lỗi bảo lẽ chân chính, thấy người hỏi han bảo cho đến nơi đến chốn, thấy người chưa biết bảo cho biết, thấy người sầu khổ

khuyên lơn cho vui vẻ, thấy người thù oán đấu tranh giảng cho hòa bình; biết được phép gì hay thì đem truyền bá cho công chúng, không giữ bí-mật độc-quyền; dùng những lời nói ân ái dịu dàng khiến cho người khỏi đau khổ.

Lại còn phải dùng thân thể để làm pháp-thí, nghĩa là thân phải cử động hành vi cho hợp với đạo lý, cũng không vì thế mà kiêu căng súc não ai: tự khắc kẻ tà thấy người chính, kẻ mê thấy người tỉnh cũng phải tự tâm hỏi tâm, tự tâm lại phải răn tâm; tuy không thuyết pháp mà rất có ảnh hưởng ở giữa nơi quần chúng, khiến cho người tham hưởng vật dục, tranh danh cạnh lợi cũng phải tự hối tự cải dần, nếu chưa bớt được, nhưng cũng được chút nhân duyên kích-động vào tâm thức, mà phải biết hổ thẹn ngầm; cho chí kẻ sân-nộ tàn bạo, độc ác bất nhân, người ngu si tà-kiến cũng vậy, dù chưa thay đổi ngay được cái nghiệp tập lâu đời, nhưng cũng phải hổ thẹn và sửa đổi dần, cũng có chút nhân duyên ảnh-hiện vào tạng-thức rồi cũng có ngày sẽ làm được. Ví như người đi đến chỗ lội, chưa biết sâu nông, nhưng thấy có người lội qua thì tự khắc cũng tin mà lội theo. Chúng sinh chỉ phiền não khổ sở vì không tự chủ được cái gió « giác quan » khiến cho cái sóng « hưởng thụ » nhôn nhao nổi lên biến thành cuộc đời vẩn đục, tranh dành sâu sé, lúc nào cũng lo mất lo còn, thoi thóp sợ hãi; dí chí đi đêm thấy cây trơ chụi, cũng tưởng là quỷ mà sợ hãi thấp thỏm, trông thấy cái hình tranh đấu thì nghi ngờ, sinh lòng đối địch phòng thủ. Nếu thấy được cái hình tướng, có từ lực, thí sả, vô-tranh, thì dù không có gì bố-thí cho, mà chúng sinh cũng tự khắc được vui vẻ, sinh thiện, diệt ác, tỉnh ngộ dần dần: còn người nào họ không cảm được gì, hay là phỉ bàng lại, là vì cái nghiệp chướng của họ; cũng ví như người vô phúc gặp vàng bạc tưởng là đá sỏi, là tự nghiệp chướng của họ. Thế cũng là một cách bá-thí, cho nên những người hy-sinh phúc phận, thân phận, tính mạnh, tình ái, quyến thuộc, để học tập

tu hành cái đạo « vô tranh thí xả », tuy rằng không giồng cấy chế tạo gì, mà lại còn lọa hưởng của thế-gian, nhưng lấy mắt đạo lý mà xét thì đều là những chủ-nhân có công-đức bố thí cả, và tất cả những sự gì mình đã không ưa không muốn, thì dừng để cho người khác phải chịu, cho chí các người quên mình vì quần-chúng cũng là bố thí cả

C) Hiện thời thế-gian đương thoi thóp ở trong cái bể khổ trần lao, lửa tham-dục thiêu đốt tứ vi, sầm sân-nộ đương tung hoành tan nát thịt sương, mây ngu si đương mù mịt che phủ đường chính, chúng-sinh bị giam hãm vào cảnh hắc ám thẳm sâu, đọa đầy vào cõi ác mộng miên man. Chẳng những chúng ta cũng là một phần-tử trong số đó, phải tự tỉnh dậy mà tìm đường thoát-ly; lại còn phải phát nguyện hưởng ứng cùng đức Đại-thí-chủ Thích-ca Mâu-ni, mà học tập tu hành cái pháp « bố thí chính-giác » thì mới đủ công-năng tài-bảo, mà tự cứu người được. Là vì rằng dùng tài bảo hữu-hạn mà cứu cho chúng-sinh vô-tận, khỏi đời khổ bữa này, đến bữa khác lại đói, cho chí tháng khác, năm khác, đời khác vẫn chưa tuyệt được cái khổ; mà chúng-sinh hiện tiền và chúng sinh ở khắp mười phương cũng đều khổ sở như thế; nếu mình không có công-năng thần-diệu tài-bảo vô hạn, thì bố thí sao nổi; mà mình còn phải bố-thí thì thì tất chúng-sinh còn phải chịu thì còn phải khổ. Vậy phải làm thế nào cho không còn có ai phải chịu cầu thí nữa mới được. Thì tất nhiên là phải làm cho chúng-sinh phải tự có công-năng thần diệu, tài bảo vô hạn, tự độ thoát lấy, mới được vĩnh-viễn giải-thoát an lạc. Tức là chúng ta phải thẳng một lòng, nghe học hỏi bàn mà giải quyết ấn-định, muốn pháp vốn là thanh tịnh, trong lặng sáng suốt, không có cái « tưởng hưởng-thụ giả giối vô thường »; rồi tập trừ khỏi dần dần cái « tập quán hưởng thụ điên đảo mê lầm đi, mà đem truyền bá cái pháp thù-thắng ấy cho hết thảy mọi nơi thành thị thôn quê, rừng sâu ngõ hẻm. Về việc pháp-thí này là trách nhiệm của người học Phật; như

chúng ta phải làm mãi mãi, thế mới là « chân thực hưởng thụ », mới là cảnh « an-lạc chân-thực ».

Trong luận Duy-thực có nói rằng : « vì bỏ hai cái thô-trọng liền chứng được chuyển y » tức là ăn định được cái « cảnh sở thụ » là không, mà đoạn trừ được cái « tập khí hưởng thụ » thời được chuyển-thức thành trí, chuyển phiền-não thành an-lạc. Thế thì hết thảy Phật pháp chú trọng cả vào pháp bố-thí chính giác này.

Vì một phép này có đủ công-năng tự xả-li, làm lợi mình lợi người, cho nên phép bố-thí đứng đầu trong pháp-môn lục-độ.

Lại đối với pháp tu Tịnh-độ của chúng ta, thì pháp thí là thần diệu đệ nhất ; như trong kinh Lăng-nghiêm Phật nói rằng : « Này ông A-nan! nếu có người đem của thất-bảo đầy dẫy khắp mười phương hư không, mà dâng cúng chư Phật nhiều như hạt bụi, không thiếu sót vị nào ; ý ông nghĩ sao, cái nhân duyên cúng Phật được phúc nhiều hay ít ? — Ngài A-nan bạch rằng : « Hư không vô-tận, tài bảo vô-biên, xưa có chúng-sinh cúng Phật bằng đồng tiền, sau khi chết được làm vua Chuyển-luân thánh-vương, phương chi hiện tiền hư-không vô cùng, Phật quốc bao la đều cúng tài bảo, cùng kiếp nghĩ bàn cũng chẳng kể xiết, còn như phúc ấy thì biết đến đâu là cùng », Phật lại bảo ngài A-nan rằng : « chư Phật Như-lai nói không hư dối, nếu lại có người thân đủ bốn trọng tội, phạm mười trọng-giới, một chớp mắt có thể xa đọa vào ngục A-tỳ ở phương này hay phương khác, cho chí phải lưu chuyển khắp các ngục vô-gián ở mười phương, chỉ khởi một niệm đem cái pháp môn tu hành thành Phật này, mà khai diễn chỉ bảo cho người chưa biết ở trong đời mạt-kiếp ; thời tội chướng của người ấy ứng ngay với một niệm mới khởi ra ấy mà tiêu diệt hết, và biến cải cái nhân địa-ngục thành ra cảnh giới an-lạc, được phúc siêu việt gấp nghìn vạn ức cái phúc của người đem cúng thất bảo trên kia : như thế toán-số thí-dụ cũng không thể sánh kịp ». Thế đủ

*biết việc pháp-thi với phép tu Tịnh-độ thắng-diệu là nhường nào. Lại nghiệm như ngài Giao-quang Sa-môn mới phát nguyện chú-giải kinh Lăng-nghiêm, chưa cầm bút viết, mà hiện thân đã thấy Phật Di-Đà, ngài Quán âm và ngài Thế-chí, đến tiếp dẫn về Tịnh độ, vì Ngài còn muốn lưu thân hình ở lại để chú-giải kinh, liền được Phật và chư Bồ-tát thuyết-pháp cho nghe, và được lưu lại để làm cho mãn nguyện; thời biết rằng tâm ngài đã tịnh mới cảm ứng được chư Phật hiển hiện, thân đã thấy Phật thì còn lo sầu gì tâm không khai ngộ. Đúng với nhời Tổ-sư nói rằng: « Tâm tâm Tịnh độ, niệm niệm Di-đà, chẳng phải dời một bước đi đâu hiện ở ngay Cực-lạc, hà tất phải đợi thân sau thân thức về nơi an-dưỡng ».*

*Vậy mong rằng ai ai cũng hiểu phép « bố-thi chính-giác » và tập làm cho rốt ráo, thì bể khổ sẽ cạn hết, cảnh chân thực an lạc sẽ hiện tiền, thì còn ai phải bố thi ai phải chịu thi nữa.*

**TÂM ĂN**

---

# *Phật-học với sự thực-tế*

*(Tiếp theo số 159)*

Vì thời Phật, những tư-tưởng của ngài rất hoạt động. Nên triết học của Phật có một sự hoàn toàn tinh tiến trong cái thời đại và trong xã hội của ngài; ta không thể nào chối cãi được. Trong những thời kỳ khác, khi mà đạo-Phật lại truyền vào một địa phương mới nào, thì lại cần phải có một vài nguyên-tắc mới, một vài sự tiến hóa cần dùng để cho sống mãi. Song điều phán đoán này không phải nghĩa là những tư tưởng của Phật cũng có một vài điều tùy tạm và đứng từng thời kỳ một, nhưng mà những tư tưởng khác thì toàn là hoàn-hảo và bất diệt. Sau này ta thấu được điều mà nó đã lâu dài, bằng một sự tác-hợp của cái nhân và cái quả và nhờ ở sự lâu dài này và sự hoàn bảo này mà ngày nay

ta vẫn tôn quý đạo-Phật, coi như là một cái đối-tượng của những sự thuyền định của ta. Nếu những tư tưởng cá nhân này sống mãi và ảnh-hưởng cho người từ bao nhiêu thế kỷ thì chính về những tư tưởng này có những nguyên tắc lâu dài trên hẳn những nguyên tắc tùy tạm, và lại có những nguyên tắc xã-hội trên hẳn những nguyên tắc cá nhân. Một là tư tưởng được coi là lớn lao tức là nếu nó được hoàn-hảo và bất diệt.

Nếu nền triết học của Phật có ảnh-hưởng cho Nhật-bản hay cho Âu châu, chính vì nó có một sức mạnh có thấu xiết không những cho một thời kỳ mà lại cho cả mọi thời kỳ. Như tôi đã viết, những sự-tích rành riêng cho cái xã-hội của Phật nay ta còn rất ít, nên phác vẽ cái thời thực-tế của Phật thật là khó, ngay như đến ta có thể hiểu được những tư tưởng của Ngài trong một giới hạn nào. tôi xin nói tính độ ngay rằng mục đích của tôi là tách riêng ra đạo-Phật với nguyên tắc ở vung quanh Phật. Đây tôi không nói riêng về sự xếp đặt của xã-hội trong thời Phật nhưng đến chương sau tôi sẽ có dịp nói. và nhân tiện để rạng tỏ một phần đời của Phật.

## Phật thoát khỏi vòng vô-minh

Nơi sinh của Phật là nước Ca-ti-la ngày nay, ở độ ngang thứ 28 phía Bắc, ở độ dọc thứ 83 phía đông. Trong vườn Lam ti-ny, chỗ ngài giáng sinh, vua A-dục có dựng một cây bia, vào khoảng năm 250 trước thế kỷ nguyên Thiên-chúa. Theo như tục truyền thì cha ngài tên là Tịnh-phạn, mẹ ngài tên là Ma-gia, tôi cũng không chắc những tên này có đích không. Ca-ti-vệ là quê hương ngài, một thành rất nhỏ và số dân cư hình như không được tới hai ba nghìn người, Ngài thuộc về chủng tộc çakya một chủng tộc rất can đảm, và cứ theo như vài mẩu lịch sử, họ lại còn dữ tợn và kiêu ngạo nữa; khi giống người Aryens tràn về phương nam thì người çakya làm đội tiền quân cho họ; vì thế người çakya cứ mãi trở xuống, từ Hy-mã-lạp đến bờ sông chỗ bờ sông Gange (Hằng) Kapilastu là nơi họ đóng. Người çakya thuộc về hạng thứ nhì trong bốn hạng trong ấn độ, nghĩa là thuộc về hạng người Ksatriyas (dũng cảm). họ cầy cấy những ruộng đất ở xung quanh thành

của họ, cái thị trường trung-ương của miền ấy, nhưng họ không có đủ nhân-công, nên phải chinh phục các chủng tộc bản sứ và bắt làm nô-lệ. Có một đoạn sử kể rằng, những người nô-lệ quê mùa này thường hay nổi loạn, chống lại với chủ của họ, nhưng ta không thể tin chắc chắn được, dầu rằng việc ấy có thể xảy ra được, ta cũng cần phải biết rằng, xung quanh xứ quê hương của Phật có một bầu không khí đầy về thuộc địa : nào dùng khí giới đánh đuổi người bản xứ, nào bắt họ làm nô-lệ, vân vân . . . và những tư tưởng này tập thành cũng do ở những tình thế xã-hội vậy.

Ngài cũng học hành như mọi người theo thói quen của xứ-sở và còn tùy theo cả sự có thể lo liệu được của gia đình ngài; rồi ngài cũng bị ảnh-hưởng bởi cách tư-tưởng của chủng tộc ấy và của thời đại ấy. Có người tưởng tượng rằng ngài tự-tại học lấy một mình không cần phải thầy dạy ! đó là một sự hoàn toàn tưởng tượng. Như mọi người, Ngài cũng học kinh Véda, kinh của đạo Bramranisme (và là môn) cùng là học mẹo học làm văn.

Ngoài cái nền học thức này, chung cho cả thời đại, ta cũng nên xét đến những su-hướng lý-tưởng học riêng của xứ sở.

Người sáng lập ra đạo Jainisme là ngài Mliavira, người rất khoan hồng cũng như ngài Siddharta, mà cũng không đi xa điều-kiện ấy, và, theo thời đại, hẳn Ngài cũng phải ảnh hưởng bởi nền tân giáo mới. Tóm lại ta có thể phán đoán rằng ở tả ngạn sông Hằng, nhất là phía tây, những tư tưởng đều là bởi cả ; mà trong những cái lý-do của cái chế độ khoan hồng này là tự ở sự cai-trị không có điều ước. Cũng như ở Mỹ châu thì được dễ-dãi hơn ở Âu-châu lục địa, miền sông Hằng, nhất ở phía tây được tiếp-súc với các tinh thần dễ-dãi, nên đã súc phạm đến cái hình-thể của nền văn-minh cũ. Vậy, đạo Jaïnisme được lưu truyền ở bờ sông Hằng, không có gì là lạ cả, rồi sau đạo Phật cũng vậy. cái chế độ khoan-hồng này làm ảnh hưởng đến việc chính trị thật rõ-rệt ; chính là một tôn chỉ phản kháng với kinh Véda, và nó đã phản kháng với cái tối đặc quyền của phái bà la môn : nói cho đúng, thì chính là một cuộc phản kháng, của dòng quý-tộc và của giòng

phú-gia, hạng người thứ nhì và thứ ba, với bạn brahmanes, hạng người thứ nhất.

Bầu không khí của xứ thuộc địa mới mẻ này, và cái chủ-nghĩa khoan hồng bản xứ này giúp ích rất nhiều cho sự tập thành tư tưởng của ngài Siddharta ; vả lại ta cũng nên biết cái tính cách rộng dãi này là một cái đặc-tính của chùa chiền, bất cứ ở thời nào, ở xứ nào .

Thời thơ-ấu và thời thanh niên của ngài Siddharta đã trải qua trong một bầu không khí tự do, mà trong có được sự kiêu-hãnh nòi giống của ngài

Ngài thành gia-thất, hẳn là, cũng vào cái tuổi đã ấn-định của phong tục trong xứ sở, và người ta nói rằng vợ Ngài tên là Gia-du. Thường thường, người ta còn kể rằng, ngài thanh niên Siddharta không có thiết gì một thú vui nào của thế gian này cả, và ngài cũng không ước ao lấy vợ, tôi thấy như vậy nó không được tự nhiên ; tôi tin rằng, cũng như mọi người, ngài cũng thích những thú vui ở trên trái đất này thì hợp lẽ hơn.

Ta biết rằng, sau khi lấy vợ được mấy năm, ngài bỏ nhà đi tu ; bấy giờ ngài đã là cha của ngài Rahula rồi. Tại sao ngài ẩn thân vào đường tu ? Mọi kinh điển cắt nghĩa vấn đề này bằng một cách rất tô-điểm và lai láng thi vị ; Ngài Siddhata, lại ra chơi bốn cửa thành đã trông thấy ba mặt thật của đời : già ốm và chết, và ngài đã được gặp một thày tu trông bộ điềm đạm và vui vẻ lắm. Đối với những người nhìn những cảnh tượng này trong một luồng ánh sáng bi-quan, thì những chứng cớ ấy là những cái mồi bắt cho họ đi tu.

Ở xã-hội Ấn-độ về thời ấy, nhất là đối với những người nhàn nhã, thì đi tu không có gì là một sự lỏ mỏ cả. Một quyển kinh bà la môn nói rằng có bốn hạng người : một hạng là hạng người tu-hành, và ai cũng phải bắt buộc đi tu. Sự bắt buộc này làm rành riêng cho hạng người thật cao, và có khi lại cho cả hạng thứ nhì nữa như phái Jaïnisme đã nói.

*(còn nữa)*

**Nghiêm-văn-Hợi**

# PHẬT LUẬT HỌC

(*Tiếp theo số 159*)

người ưa dòng giải cho đó là sướng. Sa-môn con họ Thích không sướng như thế, người ưa khổ-hạnh sẵng cho đó là sướng, Sa-môn con họ Thích hết đều không có sướng như thế vậy.

Nếu người ta lại hỏi : thế thì Phật khen những cái vui sướng gì ? sẽ đáp lại rằng : một cái môn pháp « chóng trừ dứt » vậy ; như năm môn dục-lạc kia người ta đã đam nhiễm, thì lại đem trừ dứt đi cho chóng, mà dứt tự ở cái mạnh mối sinh xuất ra; chiếu năm môn ấy, còn những sát-sinh, trộm cắp, trai gái, nói càn, dòng giải và khổ hạnh sẵng cũng vậy, trừ nó đoạn rồi liền lia bỏ hết lòng tham muốn, mối ác tiêu tan, có giác có quan, lại trút cái vui sinh mừng, mà bắt đầu vào cõi thuyền thứ nhất, ấy những cái vui sướng như thế, chính là một cái Phật khen ; đoạn lại dứt hết giác quan, trong giữ một lòng mừng rỡ, từ chỗ không có giác quan, vui mừng của định sinh ra, mà bước vào cõi thuyền thứ hai ; đoạn lại trừ mừng vào sả, thấy cái vui tự biết, của Hiền Thánh cần cầu, gìn giữ một lòng mà bước vào cõi thuyền thứ ba , đoạn đến bấy giờ, vì mừng lo đã dứt từ trước, nên vui khổ đều sạch lâu, thân tâm chẳng khổ chẳng vui, giữ nguyên trong sạch mà bước tiến vào cõi thuyền thứ tư, như những điều vừa kể, toàn là vui sướng mà Phật rất khen ngợi vậy.

Nếu người ta lại hỏi : trong những cái vui sướng ấy cầu được bao nhiêu công-đức quả-vị ? đáp lại cho nghe : được hưởng bảy thứ : một là

ngay hiện thân này chứng lên đạo quả, hai là, ngộ như có muộn thì tới lúc chết được thành, lúc chết dẫu chưa, cũng được hết năm đường kết-sử hạ-phẩm, ba là, giữa khoảng đời, vào Nát-bàn (tức nửa đời), bốn là, lúc sinh đi đâu vào Nát-bàn (tức lúc chết), năm là, theo hữu hành vào Nát-bàn (tức ở cõi dục-giới) sáu là, theo vô-hành vào Nát-bàn (tức ở cõi sắc-giới), bảy là, lên tận cõi Giới cùng tột mà vào Nát-bàn (tức ở cõi vô-sắc khi chứng la-hán) ? thế là bảy đó. Nếu một vị Tỳ-khiêu nào, thân danh còn đứng ở địa-vị phải học, mà lại ngấp ngới mong cầu được lên ngôi cao, muốn được chốn yên ổn ấy, nhưng năm cái chưa trừ, bốn niệm chưa chót, bảy giác không chuyên, chỉ hy vọng hoài sao cho chóng chứng những phép Thượng-nhân, trí-tuệ tuyệt với của bậc Hiền Thánh mà thấy ngay hiểu ngay, thì không thể nào đạt được; giả như trái lại thì liền nên ngay. Nếu ai đã chứng đến ngôi La-hán, lậu nghiệp hết rồi, sẽ được hoàn toàn mọi sự trong sạch vui sướng, mà có chín sự này thoát hẳn không bao giờ phạm : sát-sinh, trộm-cắp, dâm-ô, nói giối, bỏ đạo, khởi dục, phát bẩn, sợ hãi và si mê ; cho nên mới tặng cúng ngài một cái mỹ-hiệu rất giải là một ngôi : chỗ làm đã song, gánh nặng đã trút, lợi lớn đã được, hữu-kết đã sạch, chính trí giải thoát. Vậy nếu lại thấy có người nói : các ông Sa-môn con họ Thích có những phép không vững ! thì nên đáp lại rằng : không phải thế ; phép của các vị thuần là phép vẫn-vững không cái gì có thể làm lay động được, ví như một cái ngưỡng cửa, hạn nào người

đi qua lại mà có dẹo dọ được đâu,

Hoặc lại thấy có ai nói: ông Sa môn Cồ-đàm những việc thuộc đời xưa trước tuy có biết hết, nhưng đời mai sau chắc chả hiểu chi, thì đáp lại rằng: không phải thế, hãy nói về phần những người theo đạo, như trong bốn-đạo thì các vị Tỷ khiêu, mà ở ngoài thì các nhà tu học theo đạo giáo khác, nếu một người nào, trí tuệ khác, trí quan cũng khác và nói năng giả giối, thì đối với đời xưa trước của họ, sự vụ đã làm lớn nhỏ thế nào, Phật đều biết rõ không sót một lý, như là việc ở ngay trước mắt vậy; thế mà đối với những đời mai sau của họ, dù có sinh được trí-tuệ đạo ra, như trong thủa trước kia thấy có gây điều giả giối chẳng thực, không được lợi ích, không bổ vui mừng, thì Phật tuy biết hết nhưng cũng không hề ghi lại; hoặc có chân-thực, lại khuyết mất lợi ích, vui mừng; hoặc có chân-thực, đáng nên vui mừng, nhưng mà vô ích, Phật cũng hết điều gạt bỏ những sự đó đi; chỉ có việc gì được trọn đủ cả ba điều, thì đức Như-lai mới sẽ thè-tất và ghi lại cho vậy. Ấy là mới nói một nghĩa về đời trước, vậy còn đời này đời sau, công cuộc trong thời gian của mỗi người, biết và ghi lại cũng điều như thế. Các sự khắp trong ba đời, Phật đã nói ra câu gì, đều là đúng thực, có nghĩa lý, có lợi ích, có pháp, có luật, hợp thời mà nói không khi nào sai. Từ đêm hôm bắt đầu Phật lên ngôi Chính-giác tối tôn, cho đến đêm cuối cùng vào cõi tịch-diệt, trong dữa khoảng thuyết-Pháp độ sinh, phàm nói một lời nào là hết đều như thực, cho nên mới gọi là ngôi «Như-lai»; lại nữa chỗ nói đúng như việc làm, việc làm khắp với

chỗ nói, vì vậy mà gọi là «Như-lai»; Lại một điều nữa. chỗ hiểu thấy, chỗ diệt, chỗ biết, của các chư Phật, Phật đều tường tận đến nơi cho nên mới gọi là «Đẳng - chính-giác » vậy.

Trong các mạch từ trên đầu lần lượt tới đây, những điều-khoản tiết mục của Luật-pháp dạy giữ tuy nhiều, nhưng tóm lại thì cũng chẳng ra ngoài hai ý : một là ý nói về phần cử chỉ hai là ý nói về phần hưởng-thụ. Phần cử chỉ, tức là thuộc mấy mạch trước đã nói đó, trong những mạch ấy, phép - tắc tuy chia tỷ tách ra hàng bao nhiêu, nhưng thu lại cũng chỉ ở tám nghĩa mà do sự cử chỉ, là đi, đứng, nằm, ngồi, động, tĩnh, nói và lặng vậy . Cho đến mạch này thì chuyên nói về phần hưởng thụ, hưởng thụ cũng có hai cách; của và Pháp; hưởng thụ của, thì như ở đoạn đầu nói, luật pháp cho được hưởng-thụ của đời, tùy thức nên dùng để giống cây phúc, dù bao nhiêu phẩm vật mặc lòng, rút lại cũng đứng vào bốn sự đó cả ; hưởng thụ pháp, là như ở đoạn cuối nói, được hưởng thụ các món vui sướng của đạo, pháp-lạc, pháp hỷ, pháp-lợi dẫu có ích nhiều, nhỏ to, nông sâu, cao rảo, trật tự hơn kém biến ra vô ngần, song kéo gọn lại thì cũng chung ở một cái gốc ba điều nhân, là giới định, tuệ, và bảy quả-vị công đức như bản văn đã nói, rồi dần dà lên cho đến ngôi Đẳng chính giác là cùng tột vậy. Coi đây thì đủ biết rằng: con đường tu trong sạch lìa dục giải-thoát của đạo xuất thế, trái ngược với con đường đời ô-tạp ái-nhiễm trói buộc của cõi thế gian,và lẽ sáng suốt tu hành tinh nghiêm chân-chính, khác hẳn với lối si mê dông dỡ lợi dưỡng gian tà, nếu không chịu khó mà học hỏi sưu tầm, thì nhân đâu cho ghẽ gạt được. Chỉ ngán tiếc thay cho những thứ người nhờ hạnh phúc của túc-duyên xưa, đã được lọt vào đến cửa Không -môn, thế mà xem ra đối với bản nghiệp học tu rất là hờ hững, đã muội lối tu lại lười không chịu học, giả có nhân một sức gì bắt phải học, thì phần nhiều cũng chỉ chiếu lệ qua loa, miễn là hết cho xong bộ sách hoặc nghe xem được rồi nhưng không suy nghĩ, nghĩ đoạn không chịu làm; thế thì liệu biết đến bao giờ cho được thấy cái nhiệm mầu, mà hưởng mùi ngon-sướng tuyệt trần «Cam-lồ thượng vị» của giáo-môn Phật-pháp?! *(c nữa)*

# Tôi tu Tịnh-độ

*(Tiếp theo số 159)*

Đến cõi Tây-phương thì vĩnh-viễn không chết, mà vĩnh viễn không phải chịu cái nỗi khổ chết kia, vì người nào cũng là ở trong hoa sen sinh ra, cho nên không có cái khổ-sinh, khổ-tử mà đến cái khổ về bệnh về già, về ái-ly-biệt khổ, oán-tăng-hội khổ (oan thù gặp gỡ) cầu-bất-đắc khổ (mưu cầu không được) cũng đều không có cả nữa, và cái công-đức giới, định, tuệ đều hoàn-toàn đầy đủ, các sự nghĩ về tham, sân, si, cũng không có một chút nào, trong lòng toàn thị thanh-tịnh chân thực, đến bấy giờ tự nhiên hiểu thấu năm món: sắc, thu, tưởng, hành, thức, nó làm mờ bản tính, đều là không cả. Bấy giờ cái tâm không dính líu gì đến năm món: sắc, thụ, tưởng, hành, thức nữa, cho nên cái căn bản khổ vì ngũ-uẩn hun nấu nồng-nàn đều hết sạch cả, thế chả phải là không có khổ mà chỉ có sướng là gì? Vả chăng nội trong thân thể người, chẳng cái gì là chẳng can hệ, nhỡ ra hơi động chạm đến một tí là thấy đau đớn lạ nhường mà hơi nặng một tí là chết mất, là vô dụng nữa; như thế mà không mau mau phát nguyện tu-hành cho tới cõi tây-phương cực lạc, còn ngơm ngồm cái vẻ ta đây mà làm chi, để gây ra các sự ác nghiệp làm chi? Một thân người chưa tắt hơi thở, còn ra vẻ một tí, đến lúc thần chết bước tới, một hơi không còn, thì các anh em chị em thử tưởng xem, thế còn ra hình thù gì nữa không? Về mùa lạnh rét còn chịu đựng được một vài hôm, nếu giời nồng-nực thì chỉ một hôm đã thối tha sặc sụa, không ai dám đến gần nữa, lại qua mấy hôm nữa thì đã chương phềnh thối sặc, không ai dám nhìn đến nữa, dù cho đến vợ con rất thân yêu nữa, mà đến lúc ấy thì e rằng chẳng ai dám coi thân coi yêu như lúc sống nữa. Các anh em có ai trông thấy một người con gái nào đẹp thì mê thì thích, nhưng thử nhắm mắt lại nghĩ rằng người con gái ấy tắt hơi thở, chỉ còn cái sác nằm trơ, thì còn có cái

gì đáng yêu không ? lại vài ba hôm nữa, thành cái sác thối thì còn có cái gì đáng thương nhớ nữa không ? qua mấy năm nữa, còn trơ bộ sương trắng thì có còn gì đáng nhớ nữa không ? Xem thế thì biết kẻ thích sắc dục thật là hồ đồ, thật là không hiểu đạo-lý gì. Không nói chi đến người đã chết, ngay lúc sống nữa, mặc quần áo vào, còn ra vẻ một tí, nếu nghĩ kĩ tới trong thân thể họ, thì có những gì ?— Chẳng qua chỉ là mũi, máu, mồ-hôi. Trong gan ruột có những gì ? chẳng qua chỉ những phân cùng đun sán thối tha biết chừng nào ! gớm ghiếc biết chừng nào ! Thế thì lại biết rằng trong một thân người, thật là chả có một cái gì là tốt, thực là bẩn thỉu, gớm ghê, nói không xiết được. Nếu đã tu được tới cõi cực-lạc thì cái thân thể mình ở trong hoa-sen chui ra, không có hình dạng như thế nữa, mà là một cái thân kim cương không thối nát, là cái thể sạch sẽ thơm tho. Có người hỏi rằng : vì làm sao mà cái cõi đời này lắm cái nỗi khổ thế ?— Xin trả lời rằng : « là vì người đời này kiếp trước đã gây nên mầm vạ, cho nên kiếp này ra đời phải chịu quả báo ê trề ấy, Chẳng qua kiếp trước gây vạ còn ít, cho nên đời này phải chịu báo ứng còn ít đó thôi. Sao lại bảo là còn ít ?— Là vì ta còn được là cái kiếp người. Nếu đời trước tội ác nặng nữa, thì kiếp này còn phải làm chó, làm trâu, làm lợn, làm ngựa kia. Có người hỏi tôi rằng , « những người sống ở đời này đều là kiếp trước có tội cả, thế thì những người giàu-sang lớn kia cũng là bởi kiếp trước có tội sao ? Kiếp trước có tội làm sao đời này lại giàu-sang lớn thế ? » Thưa rằng: những người giàu-sang lớn ấy, kiếp trước tuy chưa hẳn là vô tội, nhưng còn biết làm phúc làm đức, cho nên kiếp này được hưởng cái giàu sang lớn ấy thôi ; chứ nói cho đúng thì cho giàu-sang đến đâu nữa cũng không trốn thoát tám cái nỗi khổ tôi đã kể ở trên kia, mà cái thú sống ở cực-lạc thì chẳng được hưởng chút nào; cho nên ví với các loài súc-sinh tuy hơn một chút, nhưng xét cho kỹ thì cũng chưa được mười phần tốt đẹp cả mười, nên phải tu cho tới cõi cực-lạc mới được.

Có người không hiểu rõ đạo-lý của Phật, cho rằng niệm Phật tụng kinh, sau này chết đi, được nhiều tiền tiêu, được làm ma thiêng, Thế là không hiểu đến nơi. Phải biết rằng kinh Phật là nhời Phật nói, nhời Phật nói sao lại có tiền, và lại chết rồi phải cầu tới cõi cực-lạc, mới là chính đạo, cớ chi lại mong-mỏi làm ma thiêng? Phải biết rằng làm ma lại khổ hơn làm người nhiều. Làm người đã là khổ, lại còn mong làm ma làm gì?! Thế cho nên niệm Phật tụng kinh, cốt nhất phải mong tới cõi cực-lạc mới là chính-đạo vậy.

Trên kia tôi đã nói làm ma khổ hơn làm người là bởi lẽ gì?— để tôi nói kỹ cho các anh em chị em nghe: Trong kinh Phật nói: nhất thiết chúng-sinh trong tam-giới chia làm sáu ngả. Sáu ngả nghĩa là sáu loài giống Loài giống sinh ở trên trời gọi là ngả-trời 天道. Loài giống sinh ở trên cõi đời gọi là ngả người 人道; lại có một ngả gọi là a-tu-la, tức là một loài như người mà không phải là người. Ba ngả trời, người, a-tu-la gọi là ba ngả thiện Được sinh vào trong ba ngả ấy, đều là các bực đã tu được mười thiện-nghiệp cả, Còn có ba loài chúng sinh, gọi là ba ngả ác, 1· Súc-sinh, 2· Ma đói, 3 Địa-ngục. Ba ngả ấy đều là hạng đã gây nên mười ác-nghiệp vậy. Nghiệp nhẹ phải báo ứng nhẹ, nghiệp nặng phải báo-ứng nặng, ấy là cái lẽ nhân-quả báo-ứng không sai. Trong mười ac-nghiệp lại chia ra làm ba thứ là thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý-nghiệp, Trong thân-nghiệp lại chia ra ba thứ là sát-sinh, trộm-cắp và tà-dâm, vì ba thứ ác nghiệp ấy là do tự thân thể làm ra, cho nên gọi là thân nghiệp. Khẩu-nghiệp lại chia ra 4 thứ: 1· Nói dối, 2· hai lưỡi, 3· Ác khẩu 4· Nói đơm đặt thêu dệt. Nhân vì 4 thứ ac-nghiệp ấy đều vì cái miệng làm ra, nên gọi là khẩu-nghiệp, Lại còn có một ac-nghiệp ở trong tâm ý sinh ra, cũng có ba thứ gọi là ý-nghiệp, tức là ba môn tham, sân và sy đã kể ở trên. Người nào không phạm mười ac-nghiệp ấy, gọi là người tu được thiện-nghiệp. Nhưng những người tu được mười thiện lại chia ra làm ba bực: 1· Thượng-phẩm, 2· Chung-phẩm, 3· Hạ-phẩm

Thượng-phẩm là hạng không những tự mình tu được mười thiện nghiệp, lại còn khuyên được mọi người tu mười thiện-nghiệp nữa. Chung phẩm là hạng tự mình tu được trọn mười thiện-nghiệp thôi. Hạ-phẩm tuy rằng cũng tu được mười thiện-nghiệp, nhưng vẫn còn có lòng ghen ghét người ngoài. Như một người nào đã tu được đủ mười thiện-nghiệp mà không có lòng thiết - thực niệm Phật, để cầu sinh sang cõi Tây-phương cực-lạc, thì người ấy được dầu sinh vào ngả trời. Hạng hạ phẩm thì được dầu sinh vào ngả A tu-la; còn hạng trung phẩm thì vẫn được dầu sinh vào ngả người. Hạng người ấy tuy rằng chỉ tu được mười thiện-nghiệp, nhưng đã giữ trọn được năm điều răn ở trong kinh Phật, thì nhất định kiếp sau lại được làm người. Trong năm điều răn ấy mà giữ được hoàn-toàn, thì cái đời hiện-tại được nhiều phúc lành, được cao tuổi thọ, sự gì cũng được như-ý mà tương-lai lại lên làm người giầu sang lớn, hưởng phúc tốt lành. Nếu không giữ được hoàn-toàn, hay không giữ được chút nào, thì hiện đời này đã hết cả phúc cùng thọ, tương-lai lại tùy tội nặng nhẹ mà bị đọa-lạc vào ngả súc-sinh, ma đói và địa-ngục thì dầu muốn lộn lại làm kiếp người thực là khó-khăn vô hạn; thế cho nên có câu quyết rằng: «Đã mất cái thân người, muôn kiếp khôn lại nữa» Người, đã được lên làm một kiếp người thật là không dễ, thế cho nên làm người cốt phải giữ lấy nhời răn cấm của Phật giáy, muôn vàn chớ có phạm vào, để đến nỗi mất cái kiếp làm người, mà đọa-lạc vào ngả ma đói thì phải chịu cái khổ đói khát mãi mãi.

Trên kia tôi đã nói người đã tu được mười thiện-nghiệp, tức là đã giữ được năm điều răn của Phật giáy. Nay tôi xin nhắc lại cái lẽ ấy cho các anh em chị em nghe. Năm điều răn là gì ?— 1. Răn sát sinh, 2. răn tà-dâm, 3. răn uống rượu, 4. răn trộm cắp, 5. răn nói dối Ba điều răn sát sinh, tà-dâm và trộm cắp tức là cái thân-nghiệp trong mười điều ác nghiệp; còn điều răn về nói dối thì bao quát cả bốn điều khẩu-nghiệp: nói dối, nói hai lưỡi, ác khẩu, nói thêu dệt, trong mười điều

ác-nghiệp. Cứ xem như thế đủ hiểu bốn điều răn trong năm điều răn, sát-sinh, trộm cắp, tà-dâm, nói dối, ấy đã gần đủ như mười điều ác-nghiệp rồi. Lại còn mỗi một điều răn đều gồm có đủ ba điều ý nghiệp, trong mười ác-nghiệp nữa, để tôi kể rõ cho các anh em chị em nghe. Vì sao mà sát-sinh ? *(còn nữa)*.

# VĂN UYỂN

## NHÂN QUẢ

*Nhớ xưa có bác nông phu,*
*Tháng ngày chăm chỉ cầy bừa, làm ăn.*
*Mẹ ỵ sớm lánh cõi trần,*
*Song đường sót lại một thân cha già,*
*Vợ chồng hôm sớm vào ra,*
*Nhiếc mắng ông già sao khéo sống lâu !*
*Cho ăn lại phải mang hầu,*
*Cơm cơm, nước nước cầu nhâu nhỏ lo.*
*Ông già lại mắc bệnh ho,*
*Rãi đờm khạc nhổ rất là tởm kinh.*
*Vợ chồng bàn định rứt tình :*
*Mướn anh thợ mộc đóng thành cỗ xe*
*Bỏ cha vào đó tức thì;*
*Rồi cam tâm kéo vứt đi ra đồng.*
*Chẳng thèm ngảnh mặt lại trông,*
*Mặc cha ngồi giữa cánh đồng quạnh hiu.*
*Vợ chồng mừng rỡ xiết bao,*
*Từ nay thoát nợ trần lao « cha già ».*
*Cánh đồng man mác bao la,*
*Ông già ngồi tựa gốc đa thở dài ... .*
*Hỡi ôi ! tóc bạc da mồi,*
*Con mang bỏ đó ai người cứu mang ?*
*Nằm trơ giữa cánh đồng hoang,*
*Thần tàn nghĩ nỗi lòng càng sót sa.*
*Oan oan tương báo đó mà,*

*Ác nhân khổ quả tại ta vun giồng.*
*Bác nông vất bỏ ra đồng,*
*Về nhà con hỏi rằng : « ông đâu thầy ?*
*Trông con bác nhoẻn miệng cười,*
*—« Ông già vất quách để thời bận ta !»*
*Cho hay lòng trẻ ngây thơ,*
*Dại khôn nào biết bến bờ là đâu.*
*Thấy ông bạc trắng mái đầu,*
*Mẹ cha vứt bỏ cơ cầu bơ vơ.*
*Như người chợt tỉnh giấc mơ.*
*Nó liền rảo cẳng chạy ra ngoài đồng.*
*Tìm thấy cỗ xe ông ngồi trước;*
*Dơ hai tay kéo tuột về nhà,*
*Mẹ cha trông thấy gào la :*
*—« Mày mang của khỉ về nhà làm chi ?»*
*Thưa rằng : « con để đợi kỳ,*
*—« Mẹ cha già yếu đến thì như ông.*
*— « Bấy giờ chỉ ngồi không ăn hại,*
*—« Con bỏ vào trong cái xe này.*
*—« Kéo ra giữa cánh đồng lầy,*
*—« Bỏ cha mẹ đó con thời thảnh thơi !»*
*Nghe con nói, ngẫn người đau giạ,*
*Hối vì mình chót quá mê lầm :*
*« Quên ơn trời bể cao thâm;*
*« Công trình sinh-dưỡng ân cần thuở xưa.*
*« Cha già đã chẳng phụng thờ,*
*« Nỡ tâm đem bỏ ngồi trơ giữa đồng !»*
*Nghĩ thôi chua sót khôn cùng,*
*Chạy thẳng ra đồng quỳ trước mặt cha.*
*Khóc than kể nỗi gần xa,*
*—« Xin cha thứ tội con đà quá mê.*
*—« Từ nay hiếu thuận mọi bề,*
*—« Con xin trọn đạo chẳng hề dám sai ».*
*Nhân nào quả ấy hỡi ai !*
*Nhân nhân, quả quả có sai đâu mà !*

**Vân-sơn Vũ văn Hiệp**

# Phật hóa nhân gian

(Tiếp theo số 159)

## Phật điểm hóa cho ông già ăn mày

*Tại thành Xá-vệ, có một ông già ăn mày, đã được trăm tuổi, chống gậy lọm-khọm, đến xin yết kiến Phật, xong bị người gác cửa cản không cho vào và bảo rằng : « Đức Thế-tôn không tiếp ».*

*Ông già bèn khóc lớn mà nói rằng , « Tôi nghèo thật xong tôi có hạnh-phúc được sống trong thời đại có Phật ra đời, tôi trước ao được thấy ngài, để xin ngài chỉ bảo cái nghiệp-quả, mà độ cho tôi thoát khỏi kiếp khổ này, vì tôi biết ngài muốn phả-độ hết cả quần-sinh, nên tôi đã chẳng nề xa-xôi, đến đây mong được thấy mặt ngài và hỏi sự ấy ».*

*Phật liền bảo ngài Ắt-nan ra dẫn ông vào. Khi thấy Phật thì ông chắp tay lậy mà thưa rằng : « Bạch đức Thế-tôn! cái đời tôi bần cùng cực khổ đói rách cơ hàn này muốn chết cho rồi mà không chết được, còn sống thì chẳng có chỗ nương tựa cậy nhờ, cũng chẳng nên sống làm chi, tôi đang muốn tự giết mình đi cho rồi, lại nghe có ngài ra đời, nên lòng tôi hoan-hỉ vô cùng, đêm ngày trông mong, ao-ước cho được chiêm-ngưỡng tôn-nhan. tôi đã chẳng từ lao khổ đến đây, mà còn bị ngăn cản ở trước cửa, nay tôi đã được vào đây, và được chiêm ngưỡng tôn-nhan là mãn nguyện lắm rồi, nhưng sức già tuy yếu, đi về khốn khổ, nếu không sợ làm nhơ cửa thanh-tịnh, thì tôi chết quách tại đây cho rồi. Vậy xin đức Thế-tôn lấy lượng từ-bi, mà dạy tôi nên làm thế nào, để qua kiếp sau cho cái thân được sung-sướng, khỏi bị cực khổ như vậy nữa ».*

*Phật liền bảo rằng : « Phàm người sinh ra ở trong thế-gian, đều do nhân duyên đời trước mà gây ra mọi sự khổ báo ngày nay. Bởi kiếp trước ngươi sinh trưởng ở một nhà hào-phú, có trí thông-minh, rồi vì đó mà sinh ra kiêu căng, khinh rẻ các kẻ trí-tuệ, hay là tiền của*

không bằng mình, lại chỉ biết tích của cho nhiều, mà không chịu bố-thí, nên kiếp này ngươi phải bần cùng hèn hạ như thế, các lẽ tội phúc báo ứng đó, như bóng theo hình, như vang theo tiếng».

Ông già nghe Phật dạy bấy nhiêu điều, thì tâm trí mở-mang, bèn lễ Phật mà xin làm Sa-môn.

## Con chó sủa Phật

Khi Phật ở thành Xá-vệ, có đến nhà ông Đô-đề, mà ông đi vắng không có ở nhà, trên phản lại có một con chó đang ăn một đĩa cơm, vừa thấy Phật đến thì nó bỏ ăn, nhảy xuống đất sủa om sòm, có ý muốn chạy lại mà cắn.

Phật thấy vậy mới nói rằng: « chó muốn chết, ngươi kiếp trước cũng là một người giầu có, mà chỉ vì tính nết tham lam, chỉ chăm mưu cầu tài-lợi, sinh ra bủn sỉn, không hề bố-thí giúp đỡ cho ai, cứ bo bo làm mọi giữ của, nên chết rồi phải làm thân súc sinh như vậy đó biết chưa»?

Phật phán bấy nhiêu lời, thì con chó không sủa nữa mà đi vào, nằm thiêm thiếp trong sở nhà, buồn bã rầu-rĩ, dường như nó nghe mấy lời ấy, mà nhớ đến tiền-thân sủa nó

Khi ông Đô-đề trở về, thấy con chó buồn rầu thì hỏi những kẻ ở trong nhà có ai làm gì mà nó ra như thế ? Mấy người ấy thưa rằng : « Khi ông đi khỏi, thì có đức Thế-tôn đến thấy con chó sủa, liền nói sự tiền-thân cho nó nghe, rồi thấy nó chui vào nằm thiêm-thiếp như vậy cho đến bây giờ. » Ông Đô-đề nghe nói tức giận, vội vàng đến hỏi Phật

Đức Thế-tôn bèn phán rằng : « ta chỉ nói sự thực cho cho con chó của nhà ngươi mà thôi, chứ ta có làm gì đâu, ta nói cho ngươi biết tiền-thân nó là cha ngươi đó. Nó bị quả-báo vì tội kiếp trước hà tiện bỏn sẻn mà phải đọa làm kiếp chó để giữ lấy của đó. Ngươi về bảo nó chỉ của cải đấu ở chỗ nào, thì ngươi sẽ biết.

Ông Đô-đề trở về nhà, chỉ con chó mà hỏi rằng : « vậy

có nhớ kiếp trước chôn cất vàng bạc ở chỗ nào, thì xin cho tôi đào lên, kẻo để hôm mai nhọc lòng giữ gìn mà tội nghiệp. »

Con chó nghe nói như vậy, thì ngoắt đuôi đứng giậy chui xuống dưới phản, mõm thì dũi đất, cẳng thì cào đất. Ông Đô-đề biết ý, bèn đào chỗ đó quả nhiên thấy tiền của rất nhiều.

Khi ấy ông mới rốc lòng tin Phật, vội đến lễ Phật rồi hỏi đến tiền nghiệp đời trước và quả báo đời này.

Phật giảng giải rằng: « Kẻ nào sát-sinh hại vật, thì phải quả báo chết non ; người nào nhân từ không giết hại sức sinh, thì được hưởng quả báo trường thọ, kẻ tham lam keo lận và trộm cướp, thì nghèo khó khốn cùng ; người bố-thí giúp đỡ những kẻ khó khăn thì được sung-sướng giàu có, phải tránh kẻ hung dữ độc ác, và thân gần với người hiền lành, hễ tạo nghiệp nào thì chịu quả ấy, chẳng sai chút nào.

Phú quý và trường thọ là phần thưởng việc làm lành đời trước, từ đời vô-thủy, chúng-sinh bị vô minh làm cho mờ tối mất chân-tính, mới tạo tác ra các nghiệp số, rồi lại cứ tùy nghiệp ấy mà chịu quả báo, như làm lành thì sinh về cõi trời, cõi tiên và cõi người, hưởng các sự khoái lạc, còn làm dữ thì đọa vào đường địa-ngục ma-đói và súc-sinh mà chịu các khổ-báo. »

Ông Đô-đề nghe Phật nói Phật nhân quả tỏ rõ như vậy thì tâm-ý khai thông, nghiệp-chướng bớt dần, liền lễ Phật mà về.

(còn nữa).

# Cùng các Nhà-văn trong nước

*Ngôi chùa Hội-quán Trung-ương Hội Phật giáo Bắ kỳ, nay mai sắp hoàn thành, vậy xin các Ngài vì Phật-pháp mà phát tâm nghĩ dùm cho chữ để Bả Hội khắc vào câu đối và hoành-phi thờ tại chù Hội-quán Trung-ương.*

*Các câu đối và hoành phi sẽ treo thờ những nơi sau nà*

**Trên chính điện**

*1 Tượng Tam-thế,* *3 Tượng Thích-ca.*
*2. — Di-Đà* *4. Nhang án nội.*

*Bốn nơi này, mỗi nơi một bức hoành-phi và một đ câu đối (Hoành-phi thì 3 hoặc 4 chữ, câu đối thì t 21 đến 25 chữ).*

*5. Tượng Long-thần* *7. Tượng Quan âm.*
*6. — Á-nan,* *8. — Địa-Tạng.*

*Bốn nơi này, mỗi nơi một bức hoành phi và một đ câu đối. (Hoành-phi thì 3 hoặc 4 chữ, câu đối từ đến 15 chữ.*

*9. Tượng Hộ-pháp, một đôi câu đối từ 9 đến 15 chữ*

*10. Giảng-đường, một bức hoành-phi 3 hoặc 4 chữ và một đôi câu đối từ 21 đến 25 chữ*

*11. Hiên chùa, câu đối từ 7 đến 9 chữ*

*12. Tam-quan và gác chuông một đôi câu đối từ đến 15 chữ.*

*13. Nhà thờ Tổ, một bức hoành-phi 3 hoặc 4 chữ, v một đôi câu đối từ 15 đến 19 chữ*

*14 Nơi thờ hội-viên quá-cố, một đôi câu đối từ 7 đế 9 chữ.*

*15. Nhà thờ Hậu, ba bức hoành-phi có 3 hoặc 4 ch và một đôi câu đối từ 7 đến 11 chữ*

*Các ngài cho chữ vào hoành-phi hoặc câu đối thì xi để gửi cho Cụ Chánh-hội-Trưởng Hội Phật-giáo Bắc-kỳ (chùa Quán-sứ) 73 phố Richaud Hanoi.*

**Hội Phật Giáo Bắc Kỳ**

# HỘP THƠ

*(Phương danh các vị đã trả tiền báo bằng Mandats)*

| | |
|---|---|
| Mme veuve Nguyễn văn Hiệp, Thủ dầu một | 1$50 |
| MM. Trần ngọc Vỹ, Nha-trang citadelle | 3.00 |
| Lâm hồng khởi, Soctrang, | 1,50 |
| Nguyễn thành Dương, Bắc-liêu | 3,00 |
| Trần tuấn Kiệt, Vĩnh long | 3.00 |
| Trần hữu Lương, Thanh hóa | 1 50 |
| Tín Mỹ, Kiến an | 1 50 |
| Đinh khánh Kép, Đồng hới | 1.50 |
| Ngô ngọc Kha, Nam định | 5.00 |

## PHƯƠNG DANH CÁC VỊ THIỆN TÍN Ở HOÀNG-MAI CÚNG TIỀN ĐỂ TẠC TƯỢNG DI-ĐÀ

| | | | |
|---|---|---|---|
| Bà Phó Lợi | 1$00 | Bà Nhang Kỳ | 1$00 |
| Nguyễn thị Nhị | 1.00 | Bà Miễn | 1.00 |
| Bà Ba Toản | 1.00 | Ngọc thị An | 1.00 |

## BỔ CHÍNH

Báo Đuốc tuệ số 159 ra ngày 1-7-41 ở trang 22 có đăng bản trích-lục biên bản Đại-hội-đồng thường-niên Hội-Bắc-kỳ họp ngày 25-5-41. Đại-hội-đồng hồm ấy có cả ông Phạm-quang-Lựu, Đại lý chi hội Phật-giáo Phục-lễ (Thủy-nguyên — Kiến-an) cũng lên dự họp, nhưng trong báo đăng sót, vậy xin bổ chính cho đúng.

## TIN CÁC HỘI VIÊN QUÁ CỐ

Mme Tạ thị Triệu, làng Võng-nội, huyện Phúc thọ, Sơn-tây, tạ thế ngày 14 tháng 6 nhuận, năm Tân-tỵ

Nguyễn thị Miêu, làng Bảo lộc, huyện Phúc thọ, Sơn-tây tạ thế ngày 16 tháng 6 nhuận, năm Tân-tỵ

IMP ĐUỐC-TUỆ Quản-lý CUNG-ĐÌNH-BÍNH